

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2016

Hồ sơ gồm:

1. Báo cáo thường niên năm 2016
2. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2016
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016
4. Báo cáo tài chính năm 2016

Thanh Ba, tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2016

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát.

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
- Tên Tiếng Anh: PHU THO CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính : Khu 12, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại : 0210 3885 310
- Fax : 0210 3884 023
- Website: ximangphutho.com.vn



- Logo:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc;

- Giấy Chứng nhận ĐKKD: Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2600116271 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 02 năm 2013

Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Vốn điều lệ đăng ký: 125.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 125.000.000.000 đồng
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 12.500.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.
- Mã chứng khoán: PTE
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

hoặc của công ty (nếu có): không.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Việc thành lập: Tiên thân là Nhà máy xi măng Đào Giã được thành lập theo Quyết định số 144/1967/QĐ – TC ngày 29/09/1967 của UBND tỉnh Vĩnh Phú. Sau hơn 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Nhà máy đã cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, lấy tên Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ từ ngày 14/2/2007 cho đến nay.
- Niêm yết: Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang niêm yết và giao dịch trên sàn UpCom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

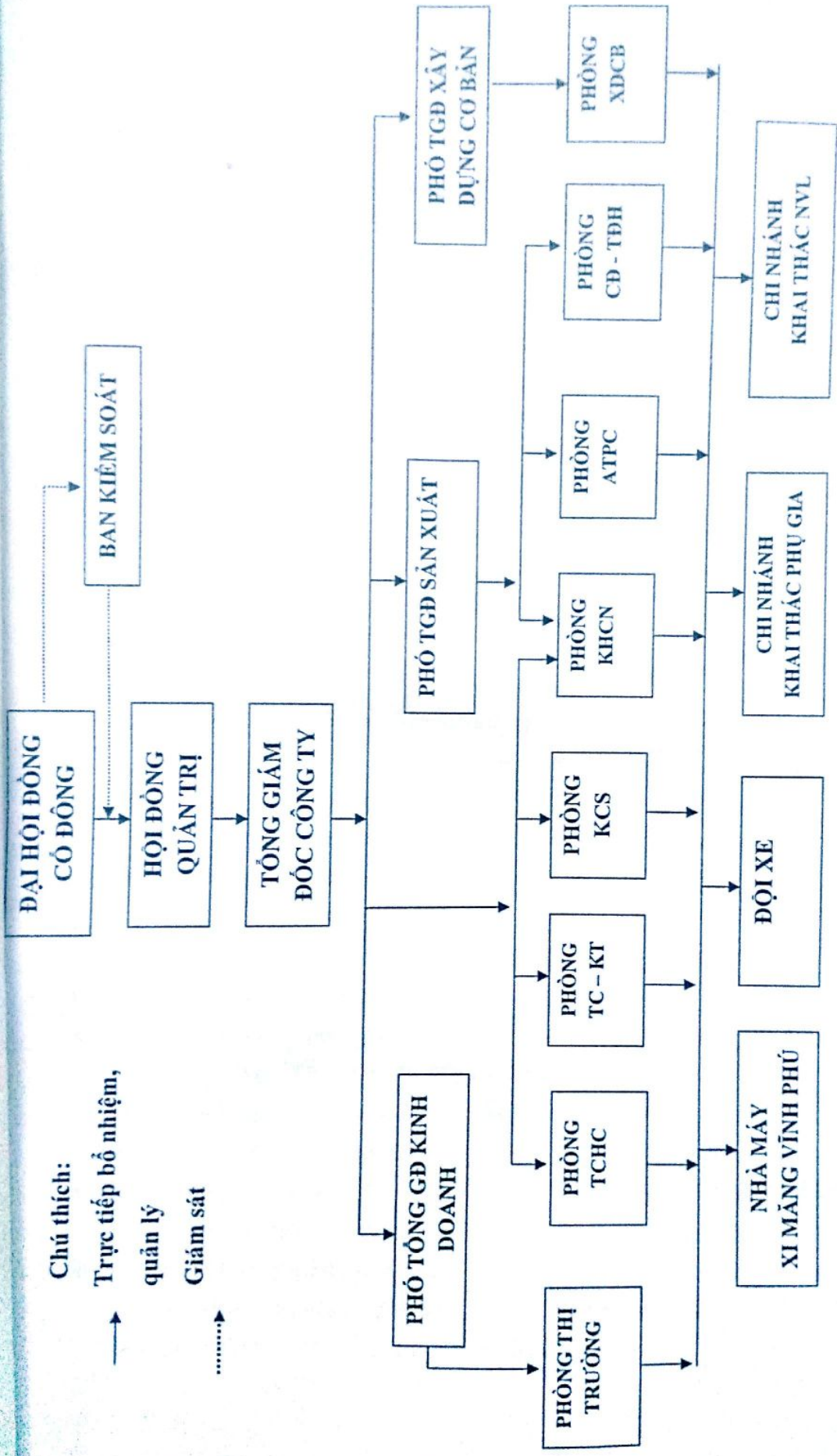
Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB-40, PCB-30; Clinker thương phẩm.
- Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông
- Kinh doanh vật liệu xây dựng khác
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi
- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ

Địa bàn kinh doanh: Thị trường tiêu thụ xi măng Vĩnh Phú được xác định là các tỉnh phía Bắc trong đó trọng điểm là tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận như Vĩnh Phúc, Lào Cai, ... Hiện nay, hệ thống các nhà phân phối, các đại lý bao tiêu sản phẩm tại các địa phương này đã được thiết lập và đang tiêu thụ sản phẩm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .

- Mô hình quản trị: Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ được tổ chức theo mô hình chức năng. Đây là mô hình tiên tiến được rất nhiều các doanh nghiệp áp dụng. Theo đó, những nhiệm vụ quản trị cụ thể được giao cho các đơn vị riêng biệt theo các chức năng quản trị và hình thành nên những người lãnh đạo được chuyên môn hóa trong các lĩnh vực cụ thể đó. Ưu điểm của mô hình này là: thu hút được các chuyên gia vào công tác lãnh đạo, việc giải quyết các vấn đề chuyên môn trở nên thành thạo và nhanh chóng hơn, đồng thời giảm bớt gánh nặng về quản trị cho Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:



Sơ đồ 1.1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

- Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh khai thác NVL: Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Chi nhánh khai thác phụ gia: Khu 12 – Thị trấn Thanh Ba - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ

- Các đơn vị liên doanh, liên kết:

✓ Công ty cổ phần xi măng Sông Thao

Địa chỉ: Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ.

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất xi măng

Mức vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ tại Công ty CP xi măng Sông Thao là 0,469%

5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Mục tiêu phát triển trong năm 2016.

Xác định năm 2016 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn đối với ngành xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng nói riêng. Đây thực sự là một thách thức lớn đặt ra cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty, đòi hỏi CBCNV phải toàn tâm, toàn trí nâng cao tinh thần đoàn kết vượt khó tạo đà để thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Mục tiêu đặt ra là:

a. Chiến lược về sản phẩm:

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm giảm chi phí hàng tồn kho. Lựa chọn các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị để nâng cao độ bền và tuổi thọ của máy móc, thiết bị.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Nghiên cứu thử nghiệm các loại phụ gia mới có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đưa vào sử dụng.
- Nâng cao năng suất lao động và ổn định chất lượng sản phẩm. Tiết kiệm triệt để chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty trở thành một thương hiệu mạnh.

b. Chiến lược đầu tư công nghệ:

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

c. Chiến lược tài chính:

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính.
- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp, cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

d. Chiến lược nhân sự:

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất.
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức trong Công ty.
- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi và lành nghề.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Phân đầu phát triển mạnh thương hiệu xi măng Vĩnh Phú theo các tiêu chí:
 - + *Chất lượng cao và ổn định.*
 - + *Giá cả cạnh tranh.*
 - + *Thị phần lớn.*

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nghiên cứu chuyển đổi, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường phù hợp với chủ trương của Nhà nước.
- Chú trọng đến công tác xử lý chất thải và vệ sinh công nghiệp, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trong Công ty cũng như với các khu dân cư lân cận.

6. Các rủi ro:

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.263.927.532	7.324.886.606
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.498.520.255	22.468.887.590
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	980.492.152	1.040.667.805
Cộng	31.742.939.939	30.834.442.001

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	58.683.926.865	108.887.449.304	74.764.412.410	242.335.788.579
Phải trả người bán, phải trả khác	253.097.953.222			253.097.953.222
Chi phí phải trả	1.953.249.239			1.953.249.239
Cộng	313.735.129.326	108.887.449.304	74.764.412.410	497.386.991.040
Số đầu năm				
Vay và nợ	50.044.152.523	201.063.841.714	-	251.107.994.237
Phải trả người bán, phải trả khác	241.507.570.747	-	-	241.507.570.747
Chi phí phải trả	2.381.134.877	-	-	2.381.134.877
Cộng	293.932.858.147	201.063.841.714	-	494.996.699.861

Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	409,77	419,69
Vay và nợ	(5.208.854,86)	(5.208.854,86)
Phải trả người bán	(152.035,46)	(152.035,46)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(5.360.480,55)	(5.360.470,63)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.443.307.035 VND (năm trước giảm/tăng 2.416.500.160 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, tổng doanh thu của Công ty là 281.793.375.396 đồng đạt 100,93% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 281.040.151.414 đồng chiếm 99,73% tổng doanh thu.

Tại thời điểm 31/12/2016:

- Tổng tài sản của Công ty là 524.643.044.959 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 81.367.354.459 đồng và tài sản dài hạn là 443.275.690.500 đồng.
- Tổng nguồn vốn của Công ty là 524.643.044.959 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 3.188.466.274 đồng và nợ phải trả là 521.454.578.685 đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	% hoàn thành
I. Chỉ tiêu hiện vật				
1. Xi măng sản xuất các loại	Tấn	300.000	302.432,53	100,81
2. Xi măng tiêu thụ các loại	Tấn	300.000	302.661,12	100,89
3. Clinker sản xuất	Tấn	245.000	239.911,78	97,92
4. Clinker thương phẩm	Tấn	9.000	9.004,03	100,04

II. Chỉ tiêu tài chính				
1. Tổng doanh thu	đồng	279.272.000.000	283.053.309.078	101,35
- D.thu bán hàng, cung cấp DV	đồng	279.272.000.000	281.793.375.396	100,90
- D.thu tài chính và hoạt động khác	đồng	-	1.259.933.682	-
2. Tổng chi phí	đồng	279.210.000.000	284.368.342.916	101,85
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	62.000.000	(1.315.033.838)	(2.221,02)
4. Lợi nhuận sau thuế	đồng	62.000.000	(1.315.033.838)	(2.221,02)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban giám đốc Công ty và cán bộ quản lý các phòng ban tại thời điểm ngày 31/12/2016.

<p><i>Triệu Quang Thuận</i> Sinh năm: 29/02/1964 Quê quán: Xã Sơn Vi - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.</p>	<p><i>Phạm Mạnh Cường</i> Sinh năm: 28/11/1969 Quê quán: Tứ Lộc - Hải Dương Trưởng phòng An toàn - Pháp chế - Thi đua</p>
<p><i>Phạm Quang Anh</i> Sinh năm: 23/07/1962 Quê quán: Xã Phương Lĩnh - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Ủy viên HĐQT</p>	<p><i>Lê Diên Chinh</i> Sinh năm: 29/07/1968 Quê quán: Xã Vụ Cầu - Huyện Hạ Hòa - Tỉnh Phú Thọ Trưởng phòng thị trường</p>
<p><i>Bùi Văn Khang</i> Sinh năm: 23/08/1959 Quê quán: Xã Vĩnh Chân - Huyện Hạ hòa - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Giám đốc dự án</p>	<p><i>Nguyễn Quốc Tuấn</i> Sinh năm: 17/01/1958 Quê quán: Thái Yên - Đức Thọ - Nghệ Tĩnh Trưởng phòng kế hoạch công nghệ</p>
<p><i>Nguyễn Xuân Sơn</i> Sinh năm: 12/1960 Quê quán: Đào Giã - Thanh Ba - Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty</p>	<p><i>Vũ Anh Phương</i> Sinh năm: 02/09/1972 Quê quán: Vân Cơ - Việt Trì - Phú Thọ Trưởng phòng tổ chức hành chính</p>
<p><i>Lê Thị Lan Hương</i> Sinh năm: 06/09/1990 Quê quán: xã Tuy Lộc - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Kế toán trưởng</p>	<p><i>Hoàng Minh Thắng</i> Sinh năm: 14/11/1974 Quê quán: Phương Lĩnh - Thanh Ba - Phú Thọ Phụ trách phòng cơ điện tự động hóa</p>

Nguyễn Ngọc Lê Sinh năm: 07/04/1961 Quê quán: Xã Hương Nộn - Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Giám đốc chi nhánh KT&CBNVL	Phạm Quang Đức Sinh năm: 02/09/1968 Quê quán: Xã Phương Linh - Huyện Thanh Ba - Phú Thọ Phụ trách phòng xây dựng cơ bản
Trần Quốc Huy Sinh năm: 13/06/1966 Quê quán: xã Đông Lĩnh - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Giám đốc chi nhánh khai thác PG, Ủy viên HĐQT	Hà Thị Thơm Sinh năm: 22/10/1970 Quê quán: xã Tứ Mỹ - Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng KCS
Nguyễn Phi Tuyên Sinh năm: 01/09/1968 Quê quán: Vụ Cầu - Thanh Ba - Phú Thọ Giám đốc Nhà máy xi măng Vĩnh Phú	

- Nhưng thay đổi của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT	01 tháng 9 năm 2011	
Ông Trần Quốc Huy	Ủy viên	07 tháng 2 năm 2007	
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên	10 tháng 6 năm 2009	
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên	16 tháng 7 năm 2012	
Ông Bùi Song Hào	Ủy viên	16 tháng 7 năm 2012	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Anh Phương	Trưởng ban	16 tháng 7 năm 2012	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên	21 tháng 3 năm 2009	
Ông Tạ Đức Thiệm	Thành viên	16 tháng 7 năm 2012	

2.2. Số lượng lao động và chính sách đối với người lao động:

- Tình hình biến động lao động trong năm 2016: Đầu năm: 434 người
Cuối năm: 358 người

- Chính sách đối với người lao động:

+ Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho cán bộ CNV trong công ty.

- + Cử cán bộ công nhân viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Bố trí, sắp xếp lao động làm việc theo đúng ngành nghề, phù hợp với sức khỏe của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Các khoản đầu tư XDCB trong năm 2016:

Sau khi bàn giao và đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày (cuối năm 2012) và dây chuyền nghiền xi măng công suất 65T/h (đầu năm 2013), thì trong năm 2016, Công ty tập trung vào thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình, hạng mục phụ trợ bao gồm: Sửa chữa gạch chịu lửa, bê tông chịu nhiệt lò nung, tháp trao đổi nhiệt giá trị 4.130 triệu đồng, hạ tầng khu tái định cư thực hiện 1.659 triệu đồng, xây dựng nội bộ khác giá trị trên 2.011 triệu đồng.

b. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần xi măng Sông Thao:

Dvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.417.427	1.333.396	↓ 5,93
Doanh thu thuần	809.095	876.550	↑ 8,34
Lợi nhuận sau thuế	29.241	31.410	↑ 7,42

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	538.099.083.839	524.643.044.959	↓ 2,50%
Doanh thu thuần	348.229.295.783	281.793.375.396	↓ 19,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-7.416.218.917	-2.567.653.735	↑ 65,38%
Lợi nhuận khác	3.462.666.850	1.252.619.897	↓ 36,17%
Lợi nhuận trước thuế	-3.953.552.067	-1.315.033.838	↑ 66,74%
Lợi nhuận sau thuế	-3.953.552.067	-1.315.033.838	↑ 66,74%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,217	0,241	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,128	0,121	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,992	0,994	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	118,48	163,54	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	7,65	6,82	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,647	0,537	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,011	-0,005	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,878	-0,412	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,007	-0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,021	-0,009	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.500.000 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

b. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông được phân chia theo theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước (đại diện ông Triệu Quang Thuận)	22.950.000.000	18,36
Ông Triệu Quang Thuận	6.635.500.000	5,31
Các cổ đông khác	95.414.500.000	76,33
Tổng cộng	125.000.000.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác. Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* Đã trình bày tại biểu tình hình thực hiện so với kế hoạch (Mục 1 - Phần II).

b. *Đánh giá tổng quát:*

Từ năm 2013 đến hết năm 2015, sản lượng xi măng tiêu thụ của Công ty tăng lên đáng kể, năm 2014 tăng so với năm 2013 là 43,64%, năm 2015 tăng so với năm 2014 là 0,89%, đến năm 2016 hoàn thành tăng so với kế hoạch năm 2016 (300.000 tấn xi măng các loại) là 0,89% nhưng có sụt giảm so với năm 2015 là 7,62%. Đạt được điều này đó là do Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày và Dây chuyền nghiền xi măng công suất 65tấn/h đã đi vào hoạt động ổn định. Cán bộ CNV Nhà máy vận hành trực tiếp dây chuyền sản xuất Clinker lò quay với hệ thống máy móc tiên tiến, hiện đại bước đầu đã làm chủ được công nghệ, rút ra được nhiều kinh nghiệm trong quá trình vận hành Nhà máy. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Việc hoàn thiện lại kênh bán hàng qua nhà phân phối cấp I và thu tiền trước khi bán hàng làm cho thị phần của

Công ty được giữ vững và ngày càng mở rộng, góp phần giải quyết phần nào gánh nặng tài chính của Công ty.

Bên cạnh đó, trong 3 năm trở lại đây, được sự quan tâm và tin tưởng của UBND Tỉnh và các cấp chính quyền địa phương, hầu hết các công trình giao thông nông thôn trọng điểm có vốn Nhà nước đều do Công ty CP xi măng Phú Thọ cung ứng xi măng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu Xi măng Vĩnh Phú chiếm được niềm tin của đại đa số người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Nhưng nhìn vào bảng so sánh có thể thấy các chỉ tiêu về tiêu thụ xi măng rời, xi măng đóng bao, doanh thu, chi phí, ... đều hoàn thành tăng so với kế hoạch đặt ra nhưng mức tăng trưởng là không cao. Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do: trong năm 2016 vẫn còn là năm khó khăn đối với ngành sản xuất xi măng, thị trường xi măng ứ đọng nhiều, sản lượng tiêu thụ tăng chưa cao, thị trường nguyên - nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh như giá than, giá điện và giá các vật tư vật liệu khác làm cho giá thành sản xuất xi măng tăng. Mặt khác do tính chất cạnh tranh gay gắt của thị trường, việc xuất hiện các sản phẩm xi măng cùng loại đã cạnh tranh với sản phẩm của Công ty nên giá bán sản phẩm tăng không đáng kể. Nguyên nhân chủ quan là do: máy móc, thiết bị để ngoài trời trên 2 năm, lắp gá trên 1 năm không được che đậy dẫn tới hư hỏng phải thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng nhiều. Trong năm 2016, Nhà máy phải nhiều lần dừng lò nên chi phí bảo dưỡng, thay thế tăng cao. Bên cạnh đó, do chưa giải phóng được mặt bằng mỏ đá vôi, mỏ sét và mỏ silic nên thay vì có thể khai thác rộng rãi Công ty phải khai thác sâu xuống lòng đất, mỗi tấn đá khai thác chi phí tăng thêm là 6.000 đồng/tấn; đất sét và đất cao silic mua ngoài nhỏ lẻ nên giá tăng từ 25.000 đồng/tấn lên 50.000 đồng/tấn. Ngoài ra, Công ty chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh, cán bộ tiêu thụ chưa năng động, chưa bám sát thị trường, doanh thu thu được chủ yếu là từ tiêu thụ sản phẩm xi măng, chưa tìm được thị trường tiêu thụ cho clinker lò quay và các sản phẩm xi măng rời (do giá bán của các sản phẩm này chưa đủ bù đắp giá thành sản xuất).

2. Tình hình tài chính.

Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, mặc dù hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2016 xấp xỉ năm 2015, nhưng đều ở mức thấp (đều nhỏ hơn 1) điều này có nghĩa các khoản nợ phải trả chưa có tài sản đảm bảo và không được đảm bảo thanh toán nợ khi đến hạn.

Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà công ty đang nắm giữ đến 31/12/2016 có đến 99,4% (năm 2015 là 99,2%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ, điều chứng tỏ tính tự chủ không cao về mặt tài chính của Công ty.

Hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty năm 2016 giảm so với năm 2015. Nếu như năm 2015 cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,647 đồng lợi nhuận thì sang đến năm 2016 đã tạo ra được 0,537 đồng lợi nhuận. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho cũng giảm từ 7,65 năm 2015 xuống 6,82 năm 2016, chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty không bị ứ đọng nhiều, sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ được ngay góp phần tăng hiệu quả sử dụng vốn. Công ty đã có những kế hoạch dự trữ thành phẩm hiệu quả hơn, tránh được tình trạng khi nhu cầu của thị trường tăng đột ngột Công ty không đáp ứng được sản phẩm có thể dễ bị mất khách hàng và đối thủ cạnh tranh giành thị phần.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Mặc dù năm 2016 vẫn là năm Công ty còn gặp nhiều khó khăn, nhưng thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty không bị thu hẹp, sản xuất dần đi vào ổn định, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, mức lỗ trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã giảm so với năm 2015. Giải pháp mà Công ty đã thực hiện đó là:

- Hoàn thiện và cải tiến kỹ thuật đối với dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, cung cấp nguồn nguyên liệu chính dồi dào và chất lượng cao cho sản xuất xi măng.
- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, rà soát lại lực lượng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người không bố trí được việc làm, thực hiện chi trả chế độ theo đúng quy định.
- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ trong sản xuất nghiền xi măng để điều chỉnh giảm chi phí nguyên vật liệu chính nhằm giảm giá thành sản phẩm
- Cải tiến dây chuyền nghiền xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của xi măng sản xuất.
- Ổn định, củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng. Tập trung tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm khác như xi măng bột PCB 40, Xi măng bột PCB30 và clinker lò quay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Đã trình bày tại Định hướng phát triển của Công ty (Mục 5 - Phần I)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù năm 2016, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhiều nhà máy xi măng trong cả nước không tránh khỏi tình trạng cung vượt cầu. Tuy nhiên, với những lợi thế nhất định về công nghệ, về kinh nghiệm quản lý và vận hành sản xuất, Công ty vẫn đạt được những thành công đáng kể như đã đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày, sản xuất sản phẩm dần đi vào ổn định, năng suất và tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng tăng lên đáng kể. Sản phẩm xi măng Vĩnh Phú đã được thị trường đón nhận và được sử dụng ở hầu hết các công trình lớn như tại các công trình giao thông, hạ tầng cơ sở, các tòa nhà cao tầng trong khu vực, trong đó khai thác được nhiều thị trường mới như các dự án giao thông trọng điểm trong và ngoài tỉnh, dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

Mặc dù, trong năm 2016, các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, ... đều đạt được so với kế hoạch đề ra nhưng mức độ hoàn thành là không cao. Nguyên nhân là do:

- Năm 2016, do tiếp tục kim chế lạm phát và chính sách thắt chặt tiền tệ, cắt giảm đầu tư, các dự án xây dựng bị dừng lại, nhiều ngành sản xuất công nghiệp khác bị đình trệ, làm cho sức mua của thị trường xi măng giảm. Do đó ảnh hưởng tới công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào tăng như giá điện, giá xăng dầu, giá than, lương tối thiểu làm tăng giá thành sản phẩm.
- Trên thị trường xuất hiện nhiều loại sản phẩm xi măng công nghệ lò quay bằng hoặc chênh lệch rất ít so với giá bán của xi măng Vĩnh Phú dẫn đến việc cạnh tranh thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.
- Chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh. Do vậy, doanh thu chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ xi măng.
- Dự án không bố trí nguồn tiền đền bù GPMB mỏ đá vôi, đá sét, đá cao silic nên hiện nay không có và thiếu nguyên liệu đá phục vụ sản xuất (Công ty phải mua ngoài manh mún với giá cao).
- Công ty không vay được vốn lưu động nên không chủ động được sản xuất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết các cuộc họp hoặc báo cáo bất thường khi có yêu cầu.

Để tiếp tục điều hành tốt hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám

độc đã họp, phân công rõ trách nhiệm theo dõi, điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Trong quá trình thực hiện chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp thay đổi, cải tiến công nghệ sản xuất để giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng được Ban giám đốc đặc biệt chú trọng, điển hình là nhiều hợp đồng cung cấp xi măng cho các công trình giao thông nông thôn trọng điểm đã được Công ty ký kết thực hiện. Việc đơn đốc thu hồi công nợ được Ban giám đốc chỉ đạo quyết liệt, do vậy trong năm 2015 tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi, các khoản nợ xấu giảm đáng kể.

Các cán bộ quản lý của Công ty có năng lực tốt, nhiệt tình trong công tác và luôn nghiêm túc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

3.1. Mục tiêu, định hướng.

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là ngành chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "*Xi măng Vĩnh Phú*".

3.2. Giải pháp thực hiện.

a. Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành.

- Đối với công tác sản xuất:

- + Quản lý chất lượng kỹ thuật; giám sát kiểm tra chất lượng, khối lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào; phân tích, điều chỉnh, ổn định cấp phối đầu vào máy nghiền xi măng để đảm bảo chất lượng xi măng theo quy định, nâng cao năng suất máy nghiền xi măng đảm bảo giảm tiêu hao nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.
- + Theo dõi tình hình biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu có chất lượng tốt mà giá cả hợp lý.
- + Các vị trí sản xuất thực hiện vận hành thiết bị dây chuyền phải theo đúng quy trình, quy phạm, phát huy tối đa năng suất của thiết bị.
- + Tăng cường công tác quản lý các khâu nhập nguyên vật liệu.

+ Một trong những khó khăn lớn nhất của Công ty hiện nay đó là chưa tìm được biện pháp tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường. Bên cạnh nguyên nhân chính đó là thiếu vốn lưu động hậu giai đoạn đầu tư dẫn đến thiếu chủ động trong vấn đề nguyên liệu cho sản xuất, thì một trong nguyên nhân quan trọng không kém đó là kiểm soát tiêu hao. Mặc dù Nhà máy được đưa vào vận hành sau hơn 2 năm thiết bị để ngoài trời làm giảm tương đối công suất thiết kế ban đầu do các tác động lý hóa của môi trường, khí hậu. Nhưng Công ty đã đầu tư thêm công nghệ, thiết bị để giảm tiêu hao than; đã có thể kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào nhưng nếu không kiểm soát được các vật tư phụ, tiêu hao điện năng, chi phí sửa chữa, ... thì mọi nỗ lực khắc phục khó khăn trước đó sẽ không đem lại hiệu quả, thậm chí càng đầu tư càng mất vốn. Như chúng ta đã biết, nguyên nhân hàng đầu khiến cho hệ thống máy móc sản xuất hư hỏng là do không được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, làm giảm tuổi thọ và hiệu suất hoạt động. Chính vì vậy cần coi trọng việc bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sản xuất và lấy đó là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu nhằm tránh những tổn thất lớn về kinh tế, giảm lãng phí thời gian và chi phí sửa chữa. Do vậy, Nhà máy xi măng Vĩnh Phú cùng với Phòng KH –CN, Phòng CD – TĐH trên cơ sở đặc điểm cấu tạo, quy trình vận hành của máy móc thiết bị phải xây dựng định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, định mức tiêu hao vật tư, từ đó có kế hoạch sửa chữa máy móc thiết bị cho phù hợp.

- Đối với công tác quản lý, điều hành:

- + Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý nội bộ và chế độ tiền lương phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Đảm bảo phát huy cao nhất sức sáng tạo, chủ động của tập thể, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định đảm bảo công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương pháp quản lý và điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để nhằm phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
- + Việc duy trì các buổi Hội thảo về khoa học – kỹ thuật thường xuyên cho cán bộ, công nhân lao động cũng là cơ hội tốt để mọi người trao đổi kinh nghiệm. Do quy trình sản xuất được chia thành nhiều công đoạn, mỗi công đoạn lại có thể có nhiều

người cùng phối hợp làm việc, mỗi người lại theo dõi sản xuất, theo dõi sự vận hành thiết bị ở những thời điểm khác nhau, thông qua trao đổi kinh nghiệm, hội thảo kỹ thuật sẽ có được kiến thức vận hành hoàn thiện hơn cho dây chuyền; bổ sung những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu từ đó nâng cao tay nghề lao động, nâng cao hiệu quả làm việc nhóm.

b. Giải pháp về phát triển nguồn lực con người.

Bên cạnh vấn đề về sản xuất thì nguồn lực con người cũng là khó khăn không nhỏ. Công ty hiện nay đang thiếu các kỹ sư có tay nghề giỏi, thiếu những lao động có tâm huyết, muốn gắn bó lâu dài với Nhà máy. Để khắc phục vấn đề này, các giải pháp cần làm ngay:

- + Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng đào tạo tại chỗ.
- + Đào tạo, bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong lãnh đạo.
- + Tập trung tuyển dụng, đào tạo lao động ở những vị trí thiếu, vị trí khó; tránh tuyển dụng, đào tạo tràn lan những chuyên ngành không cần thiết, không thiếu dẫn đến không bố trí được công việc đúng chuyên ngành, làm cho người lao động lúng túng khi làm việc, chán nản, mất thời gian mà không nâng cao được hiệu quả làm việc.
- + Xây dựng chế độ lương, chế độ thưởng, chế độ bảo hiểm và phúc lợi xã hội hợp lý phù hợp với các quy định của Pháp luật và điều kiện của Công ty vừa để kích thích tuyển dụng được lao động trình độ cao vừa để khuyến khích người lao động đang công tác yên tâm làm việc, cống hiến.

c. Giải pháp về đầu tư phát triển:

- + Tiếp tục đầu tư, phát triển và hoàn thiện dây chuyền nghiền xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm ổn định sức sản xuất.

d. Giải pháp về phát triển thị trường:

- + Để mở rộng thị trường Công ty cần phải kết hợp với các nhà phân phối để tiến hành chiến lược phát triển mới cho việc tiêu thụ xi măng như: Mở rộng chi nhánh phân phối ở các địa phương, đi kèm với chiến lược là hỗ trợ cước vận chuyển, thường kích cầu ở các mức khác nhau. Chính những hoạt động của các nhà phân phối này giúp thực hiện chiến lược đúng hướng nhằm huy động tối đa các nguồn lực đồng thời đáp ứng thỏa mãn nhu cầu kinh doanh cho các đại lý cấp 2,3 và người tiêu dùng cuối cùng từ đó góp phần giúp cho Công ty tăng uy tín và tăng thị

phần tạo đà cho sự phát triển, góp phần phát triển thương mại sản phẩm về mặt quy mô. Đối với các vùng thị trường còn bỏ trống như Thanh Sơn, Tân Sơn, Thanh Thủy, ở đó người tiêu dùng ít biết đến sản phẩm Xi măng Vĩnh Phú, Công ty có thể nhận cung ứng các Hợp đồng xi măng GTNT để quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

- + Nghiên cứu, phân tích thị trường từng khu vực các sản phẩm xi măng để đưa ra giá bán xi măng phù hợp tại từng thời điểm. Để thực hiện tốt quá trình nghiên cứu thị trường DN thu thập thường xuyên các thông tin phản hồi của khách hàng sau khi sử dụng sản phẩm xi măng của công ty. Đồng thời phát phiếu điều tra phỏng vấn cho các nhà phân phối của Công ty, từ đó có cách nhìn khách quan nhất đối với tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng trong giai đoạn hiện nay và có những chính sách hợp lý trong thời gian tới
- + Xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi sau bán hàng hợp lý nhằm giữ vững các thị trường tiêu thụ chính và mở rộng, phát triển các thị trường tiềm năng.
- + Nghiên cứu, tìm kiếm, tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng bột các loại và clinker lò quay.
- + Trong quá trình phát triển thương mại sản phẩm xi măng trên thị trường thì vấn đề hoàn thiện bộ máy kinh doanh đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên do hệ thống quản lý còn yếu kém dẫn đến việc đối chiếu, thu hồi tiền từ các khách hàng lẻ hàng tháng chậm. Để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty cần tiến hành ra soát bố trí lao động một cách hợp lý, chuyên môn hóa trong từng bộ phận, đảm bảo cán bộ thị trường phải có những kiến thức cơ bản về xi măng. Nâng cao kỷ luật lao động, thực hiện chế độ tiền lương phù hợp với từng thành phần. Liên tục kiểm tra bộ phận phát triển thị trường

e. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính.

- + Quản lý tốt các nguồn lực tài chính cũng như các khoản chi phí.
- + Tăng cường công tác thu hồi công nợ, không để nợ dây dưa và nợ khó đòi.
- + Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư và sản xuất.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành được 20 cuộc họp. Trong đó, hàng tháng HĐQT đều tham gia họp giao ban tháng cùng Ban TGD, thủ trưởng các đơn vị và tham gia ý kiến chỉ đạo SXKD trực tiếp tại cuộc họp.
- Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban giám đốc:
 - Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT sẽ tiến hành xem xét những kết quả đạt được và chưa đạt được, những giải pháp điều chỉnh phù hợp để đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.
- Về công tác quản lý Công ty:
 - + Để quản lý Công ty theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, căn cứ vào các tờ trình, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét, giải quyết, xây dựng các Nghị quyết về các vấn đề quản lý, điều hành Công ty.
 - + Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: 02 thành viên
- e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát Công ty trên các mặt sau:

- Theo dõi, giám sát công việc thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm: công tác đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ, quyết toán Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clanhke/ngày.
- Giám sát toàn bộ hoạt động liên quan đến quyền lợi người lao động, khen thưởng, kỷ luật và công tác tuyển dụng lao động của Công ty.
- Giám sát toàn bộ hoạt động mua sắm vật tư, thiết bị và vật tư dùng cho sản xuất cũng như thanh lý, nhượng bán vật tư, thiết bị của Công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016.
- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi với người lao động.
- Kiểm tra báo cáo tài chính 2016.

- Kiểm tra việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quy định,... của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong năm 2016, lương và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc là 899.686.400 đồng. Trong đó:

- Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD là: 224.393.200 đồng.

- Ông Phạm Quang Anh - Phó Tổng GD, Ủy viên HĐQT là: 155.608.300 đồng.

- Ông Bùi Văn Khang - Phó Tổng giám đốc là 133.846.200 đồng.

- Ông Nguyễn Xuân Sơn- Phó Tổng giám đốc là 90.598.100 đồng.

- Ông Trần Quốc Huy - Ủy viên HĐQT là 108.528.200 đồng.

- Ông Trần Tuấn Đạt - Ủy viên HĐQT là 95.784.500 đồng.

- Ông Bùi Song Hào - Ủy viên HĐQT là 90.927.900 đồng.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

- Năm 2014, 2015, Công ty chưa đánh giá lại và ghi nhận chênh lệch tỷ giá đối với số dư các khoản vay bằng ngoại tệ theo quy định. Số lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản vay bằng ngoại tệ ước tính tại ngày 31/12/2015 là 8,912 tỷ đồng. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính của niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015. Trong năm 2016, Công ty cũng vẫn chưa ghi nhận chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay bằng ngoại tệ, dẫn đến chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính" và chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 và 31/12/2016 bị phản ánh thiếu với số tiền lần lượt là 8,912 tỷ đồng và 10,266 tỷ đồng.

- Một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Trong đó: Số nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2015 là 8,341 tỷ đồng, tại ngày 31/12/2016 là 32,594 tỷ đồng; Số nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2015 là 45,299 tỷ đồng, tại ngày 31/12/2016 là 72,425 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin cần thiết để có thể đưa ra kết luận rằng Công ty có cần phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán theo Hợp đồng tổng số tiền là 24.158 triệu đồng. Với các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể xác định được giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cần

phải trích lập tại thời điểm 31/12/2016 theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

- Dây chuyền Clinker của Công ty đang hoạt động với công suất thấp hơn công suất thiết kế tối đa. Tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định công suất bình thường của dây chuyền là bao nhiêu nên không thể ước tính được số chi phí khấu hao tài sản cố định không được phân bổ vào giá thành đơn vị sản phẩm mà Công ty phải ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm theo hướng dẫn tại Điều 87 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

- Công ty chưa ghi nhận phí cấp quyền khai thác cho mỏ đá sét và mỏ đá vôi cho năm 2013, 2014 và năm 2015 làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại xã Yên Nội, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ theo Giấy cấp quyền khai thác số 1882/GP-BTNMT ngày 24/09/2008 và 1881/GP-BTNMT ngày 24/09/2008. Tổng số tiền chưa ghi nhận là 2.090.212.000 đồng. Nếu Công ty thực hiện ghi nhận bổ sung thì trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016 khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi và khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Có bản báo cáo tài chính kèm theo

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC 23

Triệu Quang Chuẩn

Thanh Ba, ngày 12 tháng 10 năm 2016

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
“Về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016”

HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP xi măng Phú Thọ;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 271-NQ/HĐQT ngày 03/10/2016 của HĐQT Công ty về việc “*Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016*”;
- Căn cứ vào Tờ trình số 253/T.Tr-TGD ngày 11 tháng 10 năm 2016 của TGD Công ty về việc “*Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016*”.
- Căn cứ vào Kết quả Tổng hợp ý kiến các Thành viên HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2016 về việc “*Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016*”.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. HĐQT nhất trí về việc “*Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016*” theo nội dung Tờ trình số 253/T.Tr-TGD ngày 11 tháng 10 năm 2016 của TGD Công ty với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản xuất Clinker: 245.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng: 300.000 tấn.
- Tiêu thụ Clinker: 9.000 tấn.
- Sản xuất đá các loại: 264.000 m³.
- Doanh thu: 279.272 triệu đồng.
- Kết quả kinh doanh: Lãi 62 triệu đồng.

Điều 2. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:
Các Thành viên HĐQT;
Trưởng Ban Kiểm soát;
Giám đốc Công ty;
Ban Thư ký Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 257 /QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 12 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2016”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH-13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP xi măng Phú Thọ;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 257/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của HĐQT Công ty về việc “Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016”.

QUYẾT ĐỊNH

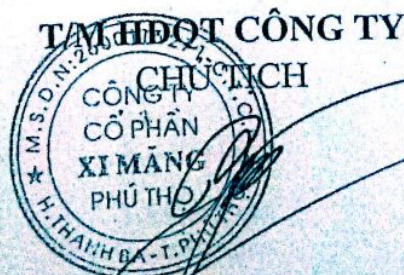
Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản xuất Clinker: 245.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng: 300.000 tấn.
- Tiêu thụ Clinker: 9.000 tấn.
- Sản xuất đá các loại: 264.000 m³.
- Doanh thu: 279.272 triệu đồng.
- Kết quả kinh doanh: Lãi 62 triệu đồng.

Điều 2. Tổng Giám đốc, các Phó TGD, Kế toán Trưởng Công ty và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu Thư ký Công ty.



Triệu Quang Thuận

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		81.367.354.459	72.141.453.426
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền			
111	1. Tiền	03	8.263.927.532	7.324.886.606
			8.263.927.532	7.324.886.606
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.279.372.665	30.225.001.887
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	20.995.834.978	20.455.038.100
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.732.544.104	7.671.909.474
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	6.982.046.975	7.493.211.188
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.584.361.698)	(5.584.361.698)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		153.308.306	189.204.823
140	IV. Hàng tồn kho	09	40.359.223.884	29.593.096.943
141	1. Hàng tồn kho		40.452.604.208	29.686.477.267
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(93.380.324)	(93.380.324)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.464.830.378	4.998.467.990
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.359.410.394	4.902.631.132
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		105.419.984	93.861.858
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	1.975.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		443.275.690.500	465.957.630.413
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		105.000.000	105.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	105.000.000	105.000.000
220	II. Tài sản cố định		428.004.603.170	449.292.171.725
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	427.966.603.158	446.343.562.747
222	- Nguyên giá		576.695.178.416	576.324.388.079
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(148.728.575.258)	(129.980.825.332)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	38.000.012	2.948.608.978
228	- Nguyên giá		160.000.000	3.526.790.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(121.999.988)	(578.181.622)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.211.254.990	883.572.026
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.211.254.990	883.572.026
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.480.492.152	1.540.667.805
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		500.000.000	500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	3.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.019.507.848)	(1.959.332.195)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.474.340.188	14.136.218.857
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	11.474.340.188	14.136.218.857
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		524.643.044.959	538.099.083.839



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
00	C. NỢ PHẢI TRẢ		521.454.578.685	533.595.583.727
10	I. Nợ ngắn hạn		337.802.716.971	332.531.742.013
11	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	165.224.174.280	170.741.834.198
12	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	11.377.024.941	13.808.823.166
13	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	8.237.559.030	12.653.692.405
14	4. Phải trả người lao động		4.453.003.674	12.136.368.295
15	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.953.249.239	2.381.134.877
19	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	87.873.778.942	70.765.736.549
20	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	58.683.926.865	50.044.152.523
30	II. Nợ dài hạn		183.651.861.714	201.063.841.714
38	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	183.651.861.714	201.063.841.714
00	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.188.466.274	4.503.500.112
10	I. Vốn chủ sở hữu	20	3.188.466.274	4.503.500.112
11	1. Vốn góp của chủ sở hữu		125.000.000.000	125.000.000.000
11a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		125.000.000.000	125.000.000.000
12	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.212.934.000	3.212.934.000
15	3. Cổ phiếu quỹ		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
18	4. Quỹ đầu tư phát triển		5.328.707.922	5.328.707.922
21	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(126.660.935.648)	(125.345.901.810)
21a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(125.345.901.810)	(108.876.180.071)
21b	LNST chưa phân phối năm nay		(1.315.033.838)	(16.469.721.739)
40	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		524.643.044.959	538.099.083.839

15 - C
TỶ
M. HỮU
KIỂM TOÁN
ABC
KIỂM

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yên

Kế toán trưởng

Lê Thị Lan Hương

Phú Thọ, ngày 20 tháng 03 năm 2017



Triệu Quang Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	281.864.544.664	348.229.295.783
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	71.169.268	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		281.793.375.396	348.229.295.783
11 4. Giá vốn hàng bán	24	238.614.929.048	305.649.589.450
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.178.446.348	42.579.706.333
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính		7.281.043	7.808.451
22 7. Chi phí tài chính	25	24.731.660.707	24.138.938.370
23 Trong đó: Chi phí lãi vay		22.917.862.293	23.919.128.920
25 8. Chi phí bán hàng	26	7.399.392.645	11.617.154.876
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	13.622.327.774	14.247.640.455
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.567.653.735)	(7.416.218.917)
31 11. Thu nhập khác	28	1.252.652.639	3.548.292.557
32 12. Chi phí khác		32.742	85.625.707
40 13. Lợi nhuận khác		1.252.619.897	3.462.666.850
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.315.033.838)	(3.953.552.067)
51 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
50 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.315.033.838)	(3.953.552.067)
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(108)	(326)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yến

Kế toán trưởng

Lê Thị Lan Hương

Phú Thọ, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Triệu Quang Thuận

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 12 - TT. Thanh Ba - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 02103.885.310 Fax: 02103.884.023 Email:
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán (nếu có): PTE

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổng cộng 20 cuộc họp (Trong đó, hàng tháng HĐQT đều tham gia họp giao ban tháng cùng Ban TGD, thủ trưởng các đơn vị và tham gia ý kiến chỉ đạo SXKD trực tiếp tại cuộc họp) và 12 lần gửi Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	20	20/20	
2	Phạm Quang Anh	Phó TGD	20	20/20	
3	Trần Quốc Huy	Ủy viên	20	20/20	
4	Trần Tuấn Đạt	Ủy viên	18	18/20	
5	Bùi Song Hào	Ủy viên	19	19/20	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát với Tổng giám đốc. Các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành các hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị với Ban giám đốc được thực hiện qua báo cáo của Ban giám đốc gửi các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

II. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	26-NQ/HĐQT	26/01/2016	Xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương mới do Công ty tự xây dựng.
2	62-NQ/HĐQT	22/03/2016	Thanh lý tài sản tại Cửa hàng xi măng Việt Trì.
3	99-Tr.NQ/HĐQT	27/04/2016	Thống nhất nội dung, chương trình, phân công nhiệm vụ và thông qua tất cả các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
4	103-NQ/HĐQT	27/04/2016	Bổ nhiệm Phó TGD Công ty.
5	131-NQ/HĐQT	19/05/2016	Thuê dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp.
6	164-NQ/HĐQT	06/06/2016	Lựa chọn nhà thầu thi công hệ thống thoát nước khu tái định cư của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ.
7	179-Tr.NQ/HĐQT	01/07/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn xem có tiếp tục duy trì sản xuất hay dừng vì không có vốn lưu động. - Nếu tiếp tục sản xuất thì phải huy động vốn như thế nào. - Xem xét việc bán tăng sản lượng Clinker so với Kế hoạch SXKD năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
8	182-Tr.NQ/HĐQT	04/07/2016	Xem xét, cho ý kiến về Dự thảo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản.
9	193-NQ/HĐQT	15/07/2016	Phê duyệt kinh phí đầu tư công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ.

10	206-NQ/HĐQT	17/07/2016	Thanh lý tài sản tại Quầy giới thiệu sản phẩm Chân Mộng.
11	238-Tr.NQ/HĐQT	25/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai. - Tiếp tục giải quyết công tác giải phóng đền bù vùng ảnh hưởng khu vực khai thác đá và thực hiện một số hạng mục đầu tư XDCB tại Công ty.
12	257-NQ/HĐQT	08/09/2016	Lựa chọn nhà thầu thi công đường bê tông vào Nhà máy xi măng Vĩnh Phú – Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ.
13	268-NQ/HĐQT	20/09/2016	Lựa chọn nhà thầu thi công Nhà để xe công nhân, Phòng cầu cân, phòng bảo vệ Nhà máy xi măng Vĩnh Phú – Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ.
14	271-Tr.NQ/HĐQT	03/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD tháng 9 và Kế hoạch SXKD tháng 10/2016. - Tăng cường sự lãnh đạo của HĐQT về công tác thị trường. - Xem xét việc tạm dừng hoạt động của Chi nhánh Khai thác Phụ gia.
15	275-NQ/HĐQT	12/10/2016	Điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2016.
16	298-NQ/HĐQT	19/11/2016	Lựa chọn nhà thầu thi công hàng rào B40 và sơn kết cấu thép nhà để xe công nhân công vào Nhà máy xi măng Vĩnh Phú; Rãnh thoát nước từ đầu công Xưởng Cơ khí đến công thoát nước trạm bơm cũ; Lắp đặt ống cống, sản lắp đất, đổ bê tông nền trước cửa kho xi măng.
17	308-Tr.NQ/HĐQT	05/12/2016	- Xem xét việc chuyển giao 03 nguồn phóng xạ đã qua sử dụng về kho lưu trữ tập trung.

			<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét Tờ trình số 18/T.Tr-QLDA của Ban Quản lý dự án về việc "Báo cáo trữ lượng mỏ đá sét làm nguyên liệu xi măng tại xã Yên Nội, xã Ninh Dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ". - Xem xét Tờ trình số 306/T.Tr-XMPT của TGD về việc "Quyết toán dự án dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn Clinker/ngày". - Xem xét việc điều chỉnh lại mức đóng bảo hiểm cho người lao động.
18	322-Tr.NQ/HĐQT	19/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét việc sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động. - Xem xét, thống nhất việc điều chỉnh lại mức đóng bảo hiểm cho người lao động trên cơ sở Tờ trình của TGD về việc "Thông qua hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương sửa đổi; phương án chuyển xếp lương cũ sang lương mới áp dụng trong năm 2017".
19	338-Tr.NQ/HĐQT	23/12/2016	Điều chỉnh mức tiền hỗ trợ phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng (từ 1.150.000 lên 1.210.000 đ/tháng).
20	350-Tr.NQ/HĐQT	30/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, phê duyệt Kế hoạch SXKD và XD CB năm 2017. - Xem xét việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khu vực hành lang an toàn mỏ đá vôi (theo kiến nghị của một số hộ dân nằm trong diện giải tỏa, di dời tại khu 3 xã Yên Nội).

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán
 Trong năm 2016, không có thay đổi về người có liên quan đến Công ty.

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan.

Có phụ lục kèm theo.

2. Giao dịch cổ phiếu:

Trong năm 2016, Công ty có giao dịch về cổ phiếu (*Có lịch sử giao dịch đính kèm*)

3. Các giao dịch khác: Không có.

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật

của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận

Dữ liệu từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 31/12/2016

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	Tổng GD khớp lệnh KL	GI
4/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
5/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
6/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
7/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
8/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
1/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
2/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
3/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
14/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
15/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
18/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
19/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
20/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
21/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
22/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
25/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
26/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
27/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
28/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
29/01/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
01/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
02/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
03/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
04/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
05/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
15/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
16/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
17/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	Tổng GD Không lệnh	KL	GT
18/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
19/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
22/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
23/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
24/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
25/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
26/02/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
01/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
02/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
03/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
04/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
07/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
08/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
09/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
10/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
11/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
14/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
15/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
16/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
17/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
18/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
21/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
22/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
23/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
24/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
25/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
28/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
29/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
30/03/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0	0
31/03/2016	4,700	15	44	3,181	-1,819	-36.38	671	5,420	4,700	15	0
01/04/2016	0	0	44	0	0	0.00	0	0	0	0	0
04/04/2016	100	0	38	3,000	-200	-6.25	100	3,000	100	0	0

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	KI	Tổng GD khớp lệnh
05/04/2016	100	0	41	3,300	300	10.00	100	3,150	100	0
06/04/2016	0	0	41	0	0	0.00	0	0	0	0
07/04/2016	0	0	41	0	0	0.00	0	0	0	0
08/04/2016	10,000	35	41	0	0	0.00	0	0	0	0
11/04/2016	0	0	41	0	0	0.00	0	0	0	0
12/04/2016	200	1	36	2,900	-400	-12.12	200	2,933	200	1
13/04/2016	0	0	36	0	0	0.00	0	0	0	0
14/04/2016	0	0	36	0	0	0.00	0	0	0	0
15/04/2016	8,200	20	31	2,500	-400	-13.79	10,000	2,600	8,200	20
19/04/2016	100	0	34	0	200	8.00	0	0	100	0
20/04/2016	48,000	128	30	2,663	-37	-1.37	11,000	6,857	48,000	128
21/04/2016	2,000	6	39	3,100	400	14.81	11,000	2,000	2,000	6
22/04/2016	2,500	9	44	3,500	400	12.90	2,500	833	2,500	9
25/04/2016	2,000	8	50	4,000	500	14.29	2,000	525	2,000	8
26/04/2016	8,000	37	56	4,564	564	14.10	4,000	2,456	8,000	37
27/04/2016	5,000	20	56	0	0	0.00	0	0	0	0
28/04/2016	100	0	58	4,600	0	0.00	100	1,156	100	0
29/04/2016	100	0	61	4,900	300	6.52	100	3,383	100	0
04/05/2016	100	0	62	5,000	100	2.04	100	1,467	100	0
05/05/2016	100	1	68	5,400	400	8.00	100	4,550	100	1
06/05/2016	100	1	69	5,500	100	1.85	100	1,986	100	1
09/05/2016	100	1	70	5,600	100	1.82	100	2,720	100	1
10/05/2016	11,100	54	61	4,907	-693	-12.38	5,550	2,786	11,100	27
11/05/2016	100	0	62	5,000	100	2.04	100	1,243	100	0
12/05/2016	0	0	62	0	0	0.00	0	0	0	0
13/05/2016	300	2	62	5,000	0	0.00	300	2,429	300	2
16/05/2016	100	1	69	5,500	500	10.00	100	2,167	100	1
17/05/2016	100	1	69	5,500	0	0.00	100	1,592	100	1
18/05/2016	100	1	69	5,500	0	0.00	100	815	100	1
19/05/2016	100	1	69	5,500	0	0.00	100	962	100	1
20/05/2016	0	0	69	0	0	0.00	0	0	0	0
23/05/2016	0	0	69	0	0	0.00	0	0	0	0

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	Tổng GD Khẩu KL
24/05/2016	0	0	69	0	0	0.00	0	0	0
25/05/2016	18,100	85	59	4,704	-796	-14.47	9,050	3,712	18,100
26/05/2016	100	1	68	5,400	700	14.89	100	2,967	100
27/05/2016	100	1	68	5,400	0	0.00	100	1,238	100
30/05/2016	0	0	68	0	0	0.00	0	0	0
31/05/2016	0	0	68	0	0	0.00	0	0	0
01/06/2016	0	0	68	0	0	0.00	0	0	0
02/06/2016	0	0	68	0	0	0.00	0	0	0
03/06/2016	0	0	68	0	0	0.00	0	0	0
06/06/2016	0	0	68	0	0	0.00	0	0	0
07/06/2016	0	0	68	0	0	0.00	0	0	0
08/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
09/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
10/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
13/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
14/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
15/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
16/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
17/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
20/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
21/06/2016	0	0	66	0	0	0.00	0	0	0
22/06/2016	100	0	56	4,600	-800	-14.81	100	2,767	100
23/06/2016	200	1	49	4,600	0	0.00	100	2,633	200
24/06/2016	200	1	49	4,300	-300	-6.52	100	1,560	200
27/06/2016	2,100	8	45	3,743	-557	-12.95	1,050	1,300	2,100
28/06/2016	1,600	5	39	3,256	-500	-13.51	1,050	875	1,600
29/06/2016	9,700	28	35	2,900	-400	-12.12	7,500	3,140	9,700
30/06/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0
01/07/2016	4,100	12	40	3,007	400	13.79	4,775	2,100	4,100
04/07/2016	0	0	36	0	0	0.00	0	0	0
05/07/2016	3,200	10	41	3,013	13	0.43	6,700	740	3,200
06/07/2016	100	0	41	3,400	400	13.33	6,700	100	100

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	KL
07/07/2016	0	0	0	41	0	0.00	0	0	0
08/07/2016	0	0	0	41	0	0.00	0	0	0
11/07/2016	0	0	0	41	0	0.00	0	0	0
12/07/2016	0	0	0	41	0	0.00	0	0	0
13/07/2016	10,500	36	0	3,400	0	0.00	15,000	3,225	10,500
14/07/2016	100	0	0	3,700	300	8.82	5,033	7,000	100
15/07/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
18/07/2016	12,400	42	0	3,400	-300	-8.11	20,000	2,883	12,400
19/07/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
20/07/2016	100	0	0	3,200	-200	-5.88	2,550	4,900	100
21/07/2016	39,000	109	0	2,800	-400	-12.50	39,000	39,000	39,000
22/07/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
25/07/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
26/07/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
27/07/2016	100	0	0	3,200	400	14.29	100	4,800	100
28/07/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
29/07/2016	4,700	12	0	2,500	0	0.00	20,000	2,500	0
01/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
02/08/2016	100	0	0	2,800	300	12.00	25,000	100	0
03/08/2016	28,600	86	0	3,000	200	7.14	13,400	4,086	28,600
04/08/2016	15,000	44	0	2,900	-100	-3.33	50,000	7,500	15,000
05/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
08/08/2016	200	1	0	2,700	0	0.00	50,000	133	0
09/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
10/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
11/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
12/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
15/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
16/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
17/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
18/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0
19/08/2016	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	KL	GT
22/08/2016	0	0	0	33	0	0.00	0	0	0	0
23/08/2016	0	0	0	33	0	0.00	0	0	0	0
24/08/2016	100	0	0	38	400	14.81	100	5,000	100	0
25/08/2016	0	0	0	29	0	0.00	0	0	0	0
26/08/2016	4,900	13	13	33	300	12.50	20,000	4,900	4,900	13
29/08/2016	0	0	0	33	0	0.00	0	0	0	0
30/08/2016	5,000	12	12	30	200	8.70	18,333	5,000	5,000	12
31/08/2016	5,000	12	12	28	-200	-8.00	28,250	5,000	5,000	12
01/09/2016	100	0	0	24	-300	-13.04	4,475	100	100	0
05/09/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0
06/09/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0
07/09/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0
08/09/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0
09/09/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0
12/09/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0
13/09/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0
14/09/2016	100	0	0	25	100	5.00	50,000	100	100	0
15/09/2016	100	0	0	28	200	9.52	50,000	100	100	0
16/09/2016	5,000	12	12	28	0	0.00	20,000	2,500	5,000	12
19/09/2016	100	0	0	29	100	4.35	20,000	100	100	0
20/09/2016	200	1	1	33	300	12.50	133	167	200	1
21/09/2016	300	1	1	34	200	7.69	16,767	567	300	1
22/09/2016	10,200	29	29	39	400	14.29	16,733	3,833	10,200	29
23/09/2016	300	1	1	39	400	14.29	167	100	300	1
26/09/2016	0	0	0	35	0	0.00	0	0	0	0
27/09/2016	100	0	0	40	400	13.79	150	200	100	0
28/09/2016	0	0	0	33	0	0.00	0	0	0	0
29/09/2016	0	0	0	33	0	0.00	0	0	0	0
30/09/2016	0	0	0	29	0	0.00	0	0	0	0
03/10/2016	500	1	1	27	-100	-4.17	433	100	500	1
04/10/2016	100	0	0	24	-300	-13.04	0	0	100	0
05/10/2016	0	0	0	24	0	0.00	0	0	0	0

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	Tổng GD Khớp Vành K.L	GT
06/10/2016	100	0	28	2,300	300	15.00	120	100	100	0
07/10/2016	100	0	32	2,600	300	13.04	520	100	100	0
10/10/2016	0	0	32	0	0	0.00	0	0	0	0
11/10/2016	100	0	35	2,900	300	11.54	533	100	100	0
2/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
3/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
4/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
7/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
18/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
19/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
20/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
21/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
24/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
25/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
26/10/2016	0	0	35	0	0	0.00	0	0	0	0
27/10/2016	100	0	40	3,300	400	13.79	100	233	100	0
28/10/2016	400	1	45	3,550	250	7.58	200	367	400	1
31/10/2016	700	3	49	4,000	400	11.11	700	2,560	700	3
01/11/2016	18,000	72	49	4,000	0	0.00	10,000	1,910	18,000	72
02/11/2016	0	0	49	0	0	0.00	0	0	0	0
03/11/2016	17,000	68	49	4,000	0	0.00	8,550	6,875	17,000	68
04/11/2016	100	0	42	0	-500	-12.50	0	0	100	0
07/11/2016	100	0	38	0	-400	-11.43	0	0	100	0
08/11/2016	100	0	35	0	-200	-6.45	0	0	100	0
09/11/2016	10,000	33	40	3,300	400	13.79	4,667	5,100	10,000	33
10/11/2016	100	0	38	0	-200	-6.06	0	0	100	0
11/11/2016	0	0	38	0	0	0.00	0	0	0	0
14/11/2016	0	0	38	0	0	0.00	0	0	0	0
15/11/2016	10,000	28	34	2,800	-300	-9.68	3,500	10,000	10,000	28
16/11/2016	0	0	34	0	0	0.00	0	0	0	0
17/11/2016	0	0	34	0	0	0.00	0	0	0	0
18/11/2016	2,600	8	39	3,185	385	13.75	1,600	867	2,600	8

Ngày	Tổng KLGD	Tổng GTGD	Vốn hóa TT	Bình quân	+/- giá	+/- % giá	BQ mua	BQ bán	KL	Tổng KL Kupon và KL	GI
21/11/2016	500	1	34	2,800	-400	-12.50	717	500	500	500	1
22/11/2016	0	0	34	0	0	0.00	0	0	0	0	0
23/11/2016	500	1	29	2,400	-400	-14.29	883	500	500	500	1
24/11/2016	0	0	29	0	0	0.00	0	0	0	0	0
25/11/2016	100	0	33	2,700	300	12.50	7,967	100	100	100	0
28/11/2016	0	0	33	0	0	0.00	0	0	0	0	0
29/11/2016	600	2	38	2,967	267	9.89	1,900	300	600	600	2
30/11/2016	100	0	36	3,000	0	0.00	1,640	100	100	100	0
01/12/2016	0	0	36	0	0	0.00	0	0	0	0	0
02/12/2016	5,700	18	36	3,175	175	5.83	2,025	1,933	5,700	5,700	18
05/12/2016	0	0	39	0	0	0.00	0	0	0	0	0
06/12/2016	0	0	39	0	0	0.00	0	0	0	0	0
07/12/2016	0	0	39	0	0	0.00	0	0	0	0	0
08/12/2016	9,000	29	39	3,200	0	0.00	1,500	9,000	9,000	9,000	29
09/12/2016	100	0	34	2,800	-400	-12.50	1,150	850	100	100	0
12/12/2016	100	0	29	2,400	-400	-14.29	33	100	100	100	0
13/12/2016	100	0	25	2,100	-300	-12.50	50	100	100	100	0
14/12/2016	0	0	25	0	0	0.00	0	0	0	0	0
15/12/2016	0	0	25	0	0	0.00	0	0	0	0	0
16/12/2016	0	0	25	0	0	0.00	0	0	0	0	0
19/12/2016	0	0	25	0	0	0.00	0	0	0	0	0
20/12/2016	0	0	25	0	0	0.00	0	0	0	0	0
21/12/2016	10,000	20	24	2,000	-100	-4.76	10,000	5,000	10,000	10,000	20
22/12/2016	0	0	24	0	0	0.00	0	0	0	0	0
23/12/2016	0	0	24	0	0	0.00	0	0	0	0	0
26/12/2016	0	0	24	0	0	0.00	0	0	0	0	0
27/12/2016	0	0	24	0	0	0.00	0	0	0	0	0
28/12/2016	0	0	24	0	0	0.00	0	0	0	0	0
29/12/2016	0	0	24	0	0	0.00	0	0	0	0	0
30/12/2016	0	0	24	0	0	0.00	0	0	0	0	0